

Số: /KH-SKHCN

Đồng Tháp, ngày tháng 01 năm 2022

## KẾ HOẠCH

### **Kiểm tra hoạt động Áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022**

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Thực hiện Kế hoạch số 326/KH-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đồng Tháp năm 2022. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch kiểm tra như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

Đánh giá tình hình thực hiện việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước đang áp dụng và công bố phù hợp với hoạt động giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền.

##### **2. Yêu cầu**

Cơ quan đang áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 xây dựng báo cáo năm 2022 đảm bảo tính trung thực về kết quả việc áp dụng, nêu những thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Hoạt động kiểm tra phải đánh giá kết quả đúng thực tế, khách quan và trung thực về hoạt động áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan hành chính.

#### **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG KIỂM TRA**

##### **1. Phạm vi, Đối tượng kiểm tra**

Các cơ quan đang áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001 thuộc hệ thống hành chính hành nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (*đính kèm phụ lục 1*).

Phương thức kiểm tra được thực hiện như sau:

- Kiểm tra gián tiếp (thông qua Báo cáo): Tổng số 105 cơ quan (*kèm theo danh sách*).

- Kiểm tra trực tiếp (tại trụ sở cơ quan): Tổng số 45 cơ quan (*Kèm theo Thông báo lịch kiểm tra*).

## **2. Nội dung kiểm tra**

+ Tình hình công bố, công bố lại (nếu có) HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015;

+ Việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL;

+ Chính sách chất lượng;

+ Xây dựng mục tiêu chất lượng (MTCL) và báo cáo tình hình thực hiện MTCL định kỳ của cơ quan và các bộ phận, các phòng chuyên môn;

+ Việc đánh giá nội bộ (ĐGNB) và Hoạt động xem xét của Lãnh đạo;

+ Tình hình kiện toàn Ban Chỉ đạo ISO, Thư ký ISO khi có sự thay đổi;

+ Các quy trình bắt buộc theo mô hình hệ thống, việc cập nhật các thay đổi vào hệ thống;

+ Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động áp dụng, duy trì HTQLCL.

## **III. THÀNH PHẦN VÀ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC TẠI ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**

### **1. Thành phần dự họp của đơn vị được kiểm tra**

Lãnh đạo đơn vị, Thành viên Ban chỉ đạo xây dựng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015; Thư ký ISO.

### **2. Chương trình làm việc**

Đại diện Tổ kiểm tra thông qua Quyết định thành lập Tổ kiểm tra và mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra;

Đại diện cơ quan, đơn vị được kiểm tra thông qua báo cáo kết quả thực hiện (*theo đề cương đính kèm*);

Tổ thực hiện kiểm tra thực tế các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc áp dụng, duy trì ISO hành chính công và trao đổi về các nội dung kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị;

Cơ quan, đơn vị được kiểm tra giải trình những vấn đề Tổ kiểm tra đặt ra; Kết luận của Tổ trưởng Tổ kiểm tra.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Giao Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tham mưu Sở thành lập Tổ kiểm tra ISO hành chính và tổ chức thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện ISO hành chính của các cơ quan, đơn vị sau khi kết thúc kế hoạch kiểm tra tại các cơ quan.

Tổ kiểm tra ISO hành chính triển khai thực hiện Kế hoạch, phân công thành viên chuẩn bị các tài liệu, biểu mẫu liên quan đến việc kiểm tra theo đúng quy định và theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra theo Kế hoạch.

Các cơ quan được kiểm tra trực tiếp (*theo danh sách đính kèm*), lập Báo cáo kết quả áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 gửi về Sở Khoa học và Công nghệ qua Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng **trước ngày 01/7/2022** (*theo đề cương đính kèm*). Đề nghị Lãnh đạo cơ quan chỉ đạo và phân công cán bộ chuẩn bị các tài liệu liên quan đến hoạt động áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL để tiếp và làm việc với Tổ kiểm tra.

Các cơ quan được kiểm tra gián tiếp (thông qua báo cáo), đề nghị các cơ quan gửi báo cáo đúng theo thời gian yêu cầu khi có Công văn của Sở Khoa học và Công nghệ.

#### **V. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ (*theo phụ lục 2, Chi phí dự kiến công tác kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022*).

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc xin vui lòng liên hệ Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng ĐT: 0277.3874878 - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để được hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- UBND Tỉnh (b/c);
- Các đơn vị áp dụng HTQLCL (t/h);
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thành Tài**

**Phụ lục 1**  
**Danh sách cơ quan áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng**  
**theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 năm 2022**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày /01/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp)*

STT	Tên cơ quan	Phương thức kiểm tra	
		Trực tiếp	Gián tiếp
	<b>I. Sở, ban, ngành Tỉnh</b>		
01	VP UBND Tỉnh		X
02	Sở Xây dựng		X
03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	
04	Sở Tài nguyên và Môi trường		X
05	Sở Khoa học và Công nghệ		X
06	Sở Tài Chính	X	
07	Sở Tư Pháp	X	
08	Sở Nội vụ		X
09	Sở Ngoại vụ		X
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	X	
11	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		X
12	Sở Giao thông - Vận tải	X	
13	Sở Y Tế		X
14	Sở Công Thương	X	
15	Sở Giáo dục và Đào tạo		X
16	Sở Thông tin - Truyền thông		X
17	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X
18	Cục thuế Tỉnh		X
19	Thanh tra Tỉnh	X	
20	Ban Quản lý Khu kinh tế		X
	<b>II. Các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành</b>		
21	Chi cục Thủy lợi	X	
22	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản		X
23	Chi cục Phát triển Nông thôn		X
24	Chi cục Bảo vệ môi trường		X
25	Chi cục Dân số - KHHGD		X
26	Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm		X

27	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		X
28	Chi cục Quản lý Đất đai		X
29	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		X
30	Chi cục Kiểm Lâm	X	
	<b>III. UBND huyện, thị xã, thành phố</b>		
	<b>- Thành phố Cao Lãnh</b>		
31	UBND thành phố Cao Lãnh	X	
32	UBND Phường 1		X
33	UBND Phường 2		X
34	UBND xã Hòa An		X
35	UBND xã Tân Thuận Đông		X
36	UBND phường 3		X
37	UBND phường 4		X
38	UBND phường 11	X	
39	UBND phường Mỹ Phú		X
40	UBND xã Mỹ Tân	X	
41	UBND xã Tân Thuận Tây		X
42	UBND xã Tịnh Thới		X
	<b>- Thành phố xã Sa Đéc</b>		
43	UBND Thành phố Sa Đéc	X	
44	UBND Phường 2	X	
45	UBND Phường Tân Qui Đông		X
46	UBND xã Tân Khánh Đông		X
47	UBND xã Tân Qui Tây		X
48	UBND xã Tân Phú Đông		X
49	UBND Phường 1	X	
50	UBND Phường 3		X
51	UBND Phường An Hoà		X
	<b>- Thành phố Hồng Ngự</b>		
52	UBND Thành phố Hồng Ngự	X	
53	UBND Phường An Lộc		X
54	UBND xã An Bình A		X
55	UBND xã An Bình B		X
56	UBND xã Tân Hội		X
57	UBND phường An Lạc	X	
58	UBND Phường An Thạnh	X	
	<b>- Huyện Hồng Ngự</b>		
59	UBND huyện Hồng Ngự	X	
60	UBND xã Thường Thới Tiền		X

61	UBND xã Thường Phước 2		X
62	UBND xã Long Thuận		X
63	UBND xã Thường Phước 1		X
64	UBND xã Thường Lạc		X
65	UBND xã Phú Thuận A		X
66	UBND xã Phú Thuận B		X
67	UBND xã Long Khánh A	X	
68	UBND xã Long Khánh B	X	
	<b>- Huyện Tân Hồng</b>		
69	UBND Huyện Tân Hồng	X	
70	UBND Thị trấn Sa Rài		X
71	UBND xã Tân Công Chí		X
72	UBND xã Bình Phú	X	X
73	UBND xã Tân Hộ Cơ		
74	UBND xã An Phước		X
75	UBND xã Tân Thành B	X	
	<b>- Huyện Tam Nông</b>		
76	UBND huyện Tam Nông	X	
77	UBND Thị trấn Tràm Chim		X
78	UBND xã Phú Cường		X
79	UBND xã An Hòa		X
80	UBND xã Hoà Bình		X
81	UBND xã Phú Thọ		X
82	UBND xã Phú Đức		
83	UBND xã An Long	X	
84	UBND xã Phú Ninh	X	X
	<b>- Huyện Thanh Bình</b>		
85	UBND huyện Thanh Bình	X	
86	UBND Thị trấn Thanh Bình		X
87	UBND xã Tân Bình		X
88	UBND xã Bình Thành		X
89	UBND xã Bình Tân	X	
90	UBND xã Tân Mỹ		X
91	UBND xã Tân Phú		X
92	UBND xã Tân Thạnh		X
93	UBND xã Tân Long	X	
94	UBND xã Tân Huê		X
	<b>- Huyện Cao Lãnh</b>		
95	UBND huyện Cao Lãnh	X	
96	UBND Thị trấn Mỹ Thọ		X

97	UBND xã Bình Thạnh		X
98	UBND xã Mỹ Thọ		X
99	UBND xã Gáo Giồng		X
100	UBND xã Tân Nghĩa		X
101	UBND xã An Bình	X	X
102	UBND xã Mỹ Xương		X
103	UBND xã Mỹ Hội		X
104	UBND xã Phong Mỹ		X
105	UBND xã Tân Hội Trung		X
106	UBND xã Bình Hàng Trung	X	
107	UBND xã Bình Hàng Tây	X	
108	UBND xã Mỹ Long		X
	<b>- Huyện Lấp Vò</b>		
109	UBND huyện Lấp Vò	X	
110	UBND Thị trấn Lấp Vò		X
111	UBND xã Định Yên		X
112	UBND xã Bình Thành		X
113	UBND xã Vĩnh Thạnh		X
114	UBND xã Long Hưng B	X	
115	UBND xã Tân Mỹ		X
116	UBND xã Hội An Đông	X	
117	UBND xã Bình Thạnh Trung		X
118	UBND xã Tân Khánh Trung		X
	<b>- Huyện Lai Vung</b>		
119	UBND huyện Lai Vung	X	
120	UBND Thị trấn Lai Vung		X
121	UBND xã Long Thắng		
122	UBND xã Tân Thành		X
123	UBND xã Hòa Long		X
124	UBND xã Vĩnh Thới		X
125	UBND xã Tân Dương		X
126	UBND xã Hòa Thành	X	
127	UBND xã Tân Phước		X
128	UBND xã Long Hậu		X
	<b>- Huyện Châu Thành</b>		
129	UBND huyện Châu Thành	X	
130	UBND Thị trấn Cái Tàu Hạ		X
131	UBND xã An Phú Thuận		X
132	UBND xã Tân Nhuận Đông	X	
133	UBND xã An Khánh		X
134	UBND xã An Hiệp	X	
135	UBND xã Tân Bình		X

136	UBND xã Phú Long		X
137	UBND xã Tân Phú		X
138	UBND xã An Nhơn		X
139	UBND xã Tân Phú Trung		X
	<b>- Huyện Tháp Mười</b>		
140	UBND huyện Tháp Mười	X	
141	UBND Thị trấn Mỹ An		X
142	UBND xã Thanh Mỹ		X
143	UBND xã Mỹ Đông		X
144	UBND xã Đốc Binh Kiều		X
145	UBND xã Trường Xuân		X
146	UBND xã Mỹ Quý	X	
147	UBND xã Mỹ An		X
148	UBND xã Phú Điền		X
149	UBND xã Mỹ Hoà		X
150	UBND xã Tân Kiều	X	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>105</b>



## Phụ lục 2

### Chi phí dự kiến công tác kiểm tra việc áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đồng Tháp năm 2022

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày /01/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp)

DVT: ngàn đồng

TT	Địa điểm kiểm tra	Số tiền			
		Số ngày	Số người	Thuê xe/ngày	Thành tiền
01	Tp Cao Lãnh	02	04	500	1.000
02	Tp Sa Đéc	02	04	1.300	3.400
03	Tp Hồng Ngự	02	04	1.300	3.400
04	Huyện Hồng Ngự	02	04	1.300	3.400
05	Huyện Tân Hồng	02	04	1.300	3.400
06	Huyện Tam Nông	02	04	1.300	3.400
07	Huyện Thanh Bình	02	04	1.300	3.400
08	Huyện Cao Lãnh	02	04	1.300	3.400
09	Huyện Tháp Mười	02	04	1.300	3.400
10	Huyện Lấp Vò	02	04	1.300	3.400
11	Huyện Lai Vung	02	04	1.300	3.400
12	Huyện Châu Thành	02	04	1.300	3.400
	<b>Tổng</b>	<b>24</b>			<b>38.400</b>

Tổng cộng: **38.400.000 đ** (Ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng)